

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

**AN GIANG FRUIT-VEGETABLES & FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **2012**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG:</b> .....	<b>3</b>
1. Thông tin khái quát: .....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển: .....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	5
5. Định hướng phát triển: .....	5
6. Các rủi ro: .....	6
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:</b> .....	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	6
2. Tổ chức và nhân sự: .....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....	10
4. Tình hình tài chính: .....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	11
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:</b> .....	<b>11</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	11
2. Tình hình tài chính: .....	13
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	14
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....	14
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: .....	15
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:</b> .....	<b>15</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: .....	15
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty: .....	15
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....	15
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:</b> .....	<b>15</b>
1. Hội đồng quản trị: .....	15
2. Ban Kiểm soát .....	17
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS: .....	18
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:</b> .....	<b>19</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**  
**NĂM 2012**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- **Tên giao dịch tiếng Việt:** Công ty Cổ Phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang.
- **Tên giao dịch tiếng Anh:** An Giang Fruit-Vegetables & Foodstuff JSC.
- **Tên viết tắt:** ANTESCO.
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 1600230014 cấp ngày 01/06/2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh An Giang cấp.
- **Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- **Địa chỉ:** 69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.
- **Số điện thoại:** 076 3841196
- **Số Fax:** 076 3843009
- **Website:** [www.antesco.com](http://www.antesco.com)
- **Email:** [antesco@antesco.com](mailto:antesco@antesco.com)
- **Mã cổ phiếu:** Không có

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Năm 1975: Công ty Vật tư Nông nghiệp An Giang, tiền thân của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp.
- Năm 1986: Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất từ 03 đơn vị thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh An Giang (Công ty Vật tư Nông nghiệp, Chi cục Cơ khí Nông nghiệp và Chi cục Bảo Vệ Thực Vật) gọi tắt là ANTESCO và tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp như máy móc nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.
- Trong quá trình phát triển chung của kinh tế xã hội, sau 2 năm hợp nhất, bộ phận chuyên về thuốc bảo vệ thực vật được tách ra khỏi Công ty, đồng thời Công ty được UBND Tỉnh đề nghị Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) cấp giấy phép trực tiếp xuất nhập khẩu các loại vật tư nông nghiệp và nông sản.
- Năm 1992: Công ty được trao Quyết định thành lập số 530/QĐUB ngày 02/11/1992 của UBND tỉnh An Giang quyết định chuyển từ đơn vị quốc doanh



thành Doanh nghiệp Nhà nước với số vốn ban đầu là 7.248.217.000 đồng.

- Năm 1994: ANTESCO hợp tác cùng Công ty LYTHAI (Đài Loan) thành lập xí nghiệp chế biến nông sản, rau quả và thực phẩm xuất khẩu, từ đó, Công ty bắt đầu đưa ra một số giống rau quả mới trồng thử nghiệm như đậu nành rau, đậu bắp, bắp non để chế biến đông lạnh xuất khẩu. Sau một thời gian hợp tác, nhận thấy có đủ khả năng tự mình quản lý, ANTESCO đã tách ra khỏi liên doanh với LYTHAI và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập cho đến nay.
- Năm 1999: ANTESCO tiếp tục mở rộng đầu tư xây dựng thêm nhà máy đông lạnh với thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập từ Mỹ và Đan Mạch với công suất 10.000 tấn/năm. Công ty cũng đã xây dựng được vùng nguyên liệu riêng bằng cách đầu tư và bao tiêu sản phẩm nhằm ổn định nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và tạo thu nhập cho người nông dân. Sản phẩm chính của ANTESCO là bắp non, đậu nành rau và khóm.
- Năm 2008: Công ty đầu tư thêm phân xưởng chế biến phụ phẩm từ vỏ rau quả để ép viên dùng làm thức ăn gia súc với công suất ban đầu là 2.400 tấn thành phẩm/năm nhằm giải quyết lượng rác thải từ sản xuất rau quả cũng như những vấn đề về vệ sinh môi trường.
- Ngày 01/06/2011 công ty Dịch Vụ Kỹ Thuật Nông Nghiệp An Giang chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang và đi vào hoạt động đến nay.
- Sau thời gian chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, thời gian đầu hoạt động (từ 01/6/2011) Công ty vẫn bước đầu ổn định sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả. Thị trường xuất khẩu truyền thống chủ yếu là các nước khu vực Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, ... chiếm trên 90% sản lượng xuất khẩu, Antesco đã từng bước khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của Antesco đang ngày càng được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm, cụm từ “Bắp non Antesco – Việt Nam” trở nên phổ biến đối với các thương nhân nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực rau quả thực phẩm.

Bằng những kinh nghiệm trong quá trình sản xuất và quản lý, ANTESCO đã xây dựng cho mình sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước với tiêu chí **“Chất lượng là uy tín, là sự tồn tại và phát triển của công ty”**.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

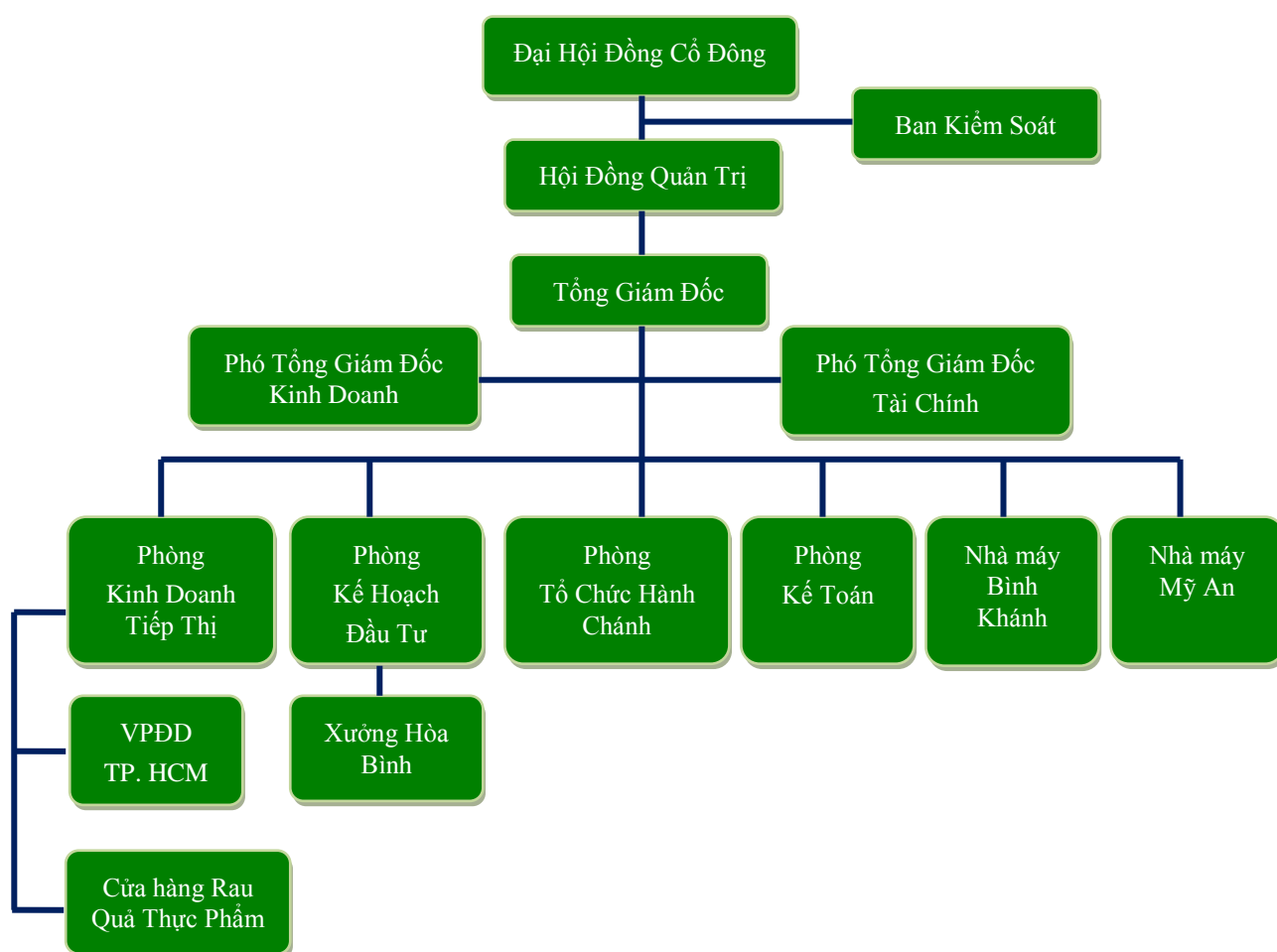
#### **a/. Ngành nghề kinh doanh:**

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các món ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán giống cây trồng các loại.

b/. **Địa bàn kinh doanh:** Phần lớn chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Châu Á và thị trường nội địa.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**



**5. Định hướng phát triển:**

a/. **Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- Phát triển vùng nguyên liệu vững chắc về lâu dài. Thực hiện quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

- Xây dựng và quy hoạch vùng nguyên liệu bắp non và đậu nành rau đạt tiêu chuẩn Global GAP.

- Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng nhằm đa dạng hóa sản phẩm và thâm nhập thị trường nội địa đầy tiềm năng. Tăng kim ngạch xuất khẩu và hiệu quả kinh tế xã hội.

- Xây dựng nội dung thiết thực, xác định các yêu cầu cấp thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh để có hướng chủ động. Mở rộng thị trường hiện tại và thị trường tiềm năng.

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh An Giang.

**b/. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Từng bước mở rộng thị trường và quy mô hoạt động và sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ.

- Khai thác hết lợi thế của doanh nghiệp, tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

- Phần đầu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu rau quả ở Việt Nam, đặc biệt là sản phẩm bắp đông lạnh và đóng hộp.

**c/. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:**

- Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp; thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.

- Tạo công ăn việc làm cho người dân nông thôn có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người nông dân.

- Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn; tổ chức chương trình cây mùa xuân; tặng nhà tình nghĩa cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn. Trao quỹ khuyến học và hỗ trợ các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập và các cháu thuộc con em của cán bộ công nhân viên công ty có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi, ...

- Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các cụ cao tuổi là thân sinh của cán bộ công nhân viên nhân ngày lễ vu lan.

**6. Các rủi ro:**

- Sự suy giảm và bất ổn tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu nói riêng. Theo nhận định của các chuyên gia, năm 2013 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và bất ổn hơn năm 2012, đây là một thách thức cho doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải tích cực tìm kiếm thị trường, đơn hàng để vượt qua thử thách này.

- Tình hình cạnh tranh thu mua nguyên liệu từ các đối thủ cùng ngành, nông dân phá vỡ hợp đồng bán nguyên liệu cho công ty để thu lợi nhuận.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012:

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So sánh 2012/2011 (%)	So sánh TH2012/ KH2012 (%)
1	Tổng doanh thu	95.935	169.000	158.316	165	94
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.239	15.000	15.010	162	100
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	7.717	11.250	12.272	159	109
4	Nộp ngân sách Nhà nước	1.972	2.992	2.292	116	77

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### a/. Danh sách Ban điều hành:

- Ông. **HUỖNH QUANG ĐÁU** – **Tổng Giám Đốc**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 18/09/1955

- Quê quán: Lương Phi, Tri Tôn.

- Địa chỉ thường trú: 446/23 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 50,43% (trong đó 1,39% cá nhân sở hữu (tương ứng 83.500 cổ phần); 49,04% đại diện cho Nhà nước (tương ứng 2.942.400 cổ phần)).

- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 09/1975 – tháng 9/1978: Nhân viên phòng Kế hoạch công ty Vật Tư Nông Nghiệp An Giang.

- + Tháng 09/1978 – tháng 09/1979: Cán sự 1 phòng Kế Hoạch công ty Vật Tư Nông Nghiệp An Giang.

- + Tháng 10/1979 – Tháng 11/1980: Phó phòng Kế Hoạch công ty Vật Tư Nông Nghiệp An Giang.

- + Tháng 12/1980: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Vật tư Nông nghiệp An Giang.

- + Tháng 10/1983 – tháng 09/1986: Phó Giám đốc Công ty Vật tư Nông nghiệp An Giang.

- + Tháng 10/1986 – tháng 06/1987: Phó giám đốc Công ty Vật tư Nông nghiệp An Giang được sáp nhập với Chi cục cơ khí nông nghiệp, Chi cục bảo vệ thực vật đổi tên thành Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

- + Tháng 07/1987 – tháng 04/1988: Phó giám đốc Công ty lương thực An Giang.

+ Tháng 05/1988 - tháng 05/2011: Giám đốc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

+ Tháng 06/2011 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang.

• Ông. **TRẦN CÔNG THỤY – Phó Tổng Giám Đốc**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 22/06/1969

- Quê quán: Long Xuyên, An Giang.

- Địa chỉ thường trú: 22/7 Lê Cảnh Tuân, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cao đẳng sư phạm Anh văn.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Sở hữu 0,20% tương ứng 11.900 cổ phần.

- Quá trình công tác:

+ Năm 1990 – tháng 04/2000: Nhân viên Văn phòng đại diện TP.HCM Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

+ Tháng 05/2000 – tháng 05/2002: Phó phòng Kinh doanh tiếp thị Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

+ Tháng 06/2002 – tháng 05/2011: Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

+ Từ tháng 06/2011 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang.

• Ông. **QUÁCH THANH BÌNH – Phó Tổng Giám Đốc**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 15/02/1968

- Quê quán: Huyện An Biên, Kiên Giang.

- Địa chỉ thường trú: 244/1 Lương Văn Cù, Phường Mỹ Long, Tp.Long xuyên, Tỉnh An Giang.

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp chế biến thủy sản, Trung cấp kế toán.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Sở hữu 0,37% tương ứng 22.100 cổ phần.

- Quá trình công tác:

+ Năm 1989: Nhân viên kế hoạch Xí nghiệp Quốc doanh đánh cá An Giang.

+ Năm 1989 – năm 1992: Kế toán viên Nông trường Quốc doanh An Thành, Kế toán viên Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp.



- + Năm 1992 – tháng 01/2004: Phó phòng Kế toán Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.
- + Tháng 02/2004 – tháng 05/2011: Kế toán trưởng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.
- + Tháng 06/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang.

• Bà. **NGÔ THU HÀ – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/01/1973
- Quê quán: Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Địa chỉ thường trú: 42B/5A Khóm Trung Hưng, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: Sở hữu 0,1% tương ứng 6.000 cổ phần.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1996: Phó phòng kế toán Ngân hàng TMCP NT Tứ giác Long Xuyên.
  - + Năm 2000 – năm 2002: Phụ trách phòng kế toán nhà máy Rau Quả Đông Lạnh Bình Khánh.
  - + Năm 2002 – Năm 2004: Trưởng phòng kế toán NM Rau Quả Đông Lạnh Bình Khánh.
  - + Năm 2004 – Tháng 5/2011: Phó phòng Kế toán công ty Dịch Vụ Kỹ Thuật Nông Nghiệp An Giang.
  - + Tháng 06/năm 2011 đến nay: Kế toán trưởng công ty Cổ Phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang.

**b/. Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có thay đổi.

**c/. Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách người lao động:**

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân trong năm: **515 người.**
- Thu nhập bình quân của người lao động/tháng : **4.949.203 đồng.**

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV 31/12/2012 (người)
Trên đại học	1
Đại học	42
Cao đẳng	6
Trung cấp	38
Trung học dạy nghề	11
Lao động phổ thông	510

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đào tạo, ... được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được công ty trang bị đầy đủ cho người lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư (Triệu đồng)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	VNĐ	0
2	Máy móc thiết bị	VNĐ	1.005
	<b><u>Tổng cộng:</u></b>		<b><u>1.005</u></b>

**4. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	124.257	118.633	-5
Doanh thu thuần	95.935	158.316	+65
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.182	12.995	+42
Lợi nhuận khác	57	2.015	+3.435
Lợi nhuận trước thuế	9.239	15.010	+62
Lợi nhuận sau thuế	7.717	12.272	+59
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85%	73%	-12

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b>1. <u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,52	1,56	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,12	0,93	
<b>2. <u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	45,67	46,46	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	84,07	86,77	
<b>3. <u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u></b>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	3,01	5,68	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,77	1,33	
<b>4. <u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	8,04	7,75	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	11,43	19,32	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,21	10,34	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,57	8,21	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần:**

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.000.000 cổ phần (Sáu triệu cổ phần).
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Tính đến hết ngày 31/12/2012 công ty có 260 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nhà nước	1	2.942.400	49,04
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	8	1.823.100	30,38
Cổ đông khác	251	1.234.500	20,58

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư:** Không thay đổi.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.

**e. Các chứng khoán khác:** Không có.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2012 mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhìn chung Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

Kinh tế trong nước vẫn đang ở mức lạm phát cao, lãi suất ngân hàng vẫn còn cao. Giá cả nguyên, vật liệu đầu vào, điện, nước, xăng, dầu ... đều tăng, chính sách thắt chặt tiền tệ ... tác động nặng nề đối với doanh nghiệp.

Thị trường xuất khẩu cũng bị ảnh hưởng do khu vực Châu Âu – thị trường chủ lực của Công ty- vẫn còn đang bị trì trệ, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu do ảnh hưởng của khủng hoảng nợ công vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt.

Các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước cũng thay đổi liên tục và khó dự đoán.

**Những thuận lợi và khó khăn của Công ty:**

Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của các ban ngành tại địa phương và đặc biệt là các cổ đông lớn.
- Vẫn tiếp tục duy trì ổn định được sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả.
- Tiếp tục phát huy về kinh nghiệm, tay nghề trong hoạt động SXKD. Sản phẩm công ty vẫn khẳng định được chất lượng.
- Nội bộ đoàn kết vì sự phát triển ổn định của Công ty. Đời sống CB-CNV được ổn định.
- Tranh thủ được các đơn hàng của khách hàng truyền thống.

Khó khăn:

- Giá phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng của lạm phát. Lãi suất tăng cao.
- Cước tàu biển, các chi phí liên quan hàng xuất khẩu ngày càng tăng cao
- Kinh tế thế giới hồi phục chậm và còn nhiều bất ổn. Thị trường xuất khẩu chậm lại do kinh tế khó khăn.
- Cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt là với các công ty tại miền tây nam bộ. Khan hiếm nhân công thời vụ.

STT	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2012	% so KH
<b>1</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<i>Tấn</i>	<b>7.961,49</b>	<b>8.089</b>	<b>98,42</b>
<b>2</b>	<b>Tổng giá trị mua vào (Hàng hóa,NVL...)</b>	<i>Triệu đ</i>	<b>97.106</b>	<b>118.859</b>	<b>81,70</b>
2.1	Tổng giá trị	<i>Triệu đ</i>	97.106	118.859	81,70
	<i>Trong đó: Hàng hóa mua vào</i>	<i>Triệu đ</i>	3.124	2.490	125,46
2.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	<i>USD</i>	150.000	118.600	126,48
<b>3</b>	<b>Doanh thu - Thu nhập khác</b>	<i>Triệu đ</i>	<b>163.987</b>	<b>169.000</b>	<b>97,03</b>
3.1	Sản phẩm rau quả	<i>Triệu đ</i>	133.850	139.858	95,70
3.2	Hàng hóa	<i>Triệu đ</i>	8.177	11.542	70,85
	<i>Trong đó: Hàng hóa bán ra</i>	<i>Triệu đ</i>	5.481	4.250	128,96
3.3	Dịch vụ	<i>Triệu đ</i>	16.290	17.600	92,56
	<i>Trong đó: Gia công thủy sản</i>	<i>Triệu đ</i>	16.107		

3.4	Thu từ hoạt động tài chính	Triệu đ	3.072		
3.5	Thu nhập khác	Triệu đ	2.598		
3.6	Tổng kim ngạch xuất khẩu	USD	5.912.651	5.859.000	100,92
3.7	Tỷ trọng doanh thu XK/Tổng D.thu	%	77,79%		
<b>4</b>	<b>Tổng Giá vốn</b>	Triệu đ	<b>128.723</b>	<b>126.368</b>	<b>101,86</b>
<b>5</b>	<b>Tổng Chi phí</b>		<b>20.254</b>	<b>24.632</b>	<b>82,23</b>
5.1	Chi phí bán hàng	Triệu đ	9.586	11.492	83,41
5.2	Chi phí quản lý	Triệu đ	8.674	10.140	85,54
5.3	Chi phí tài chính	Triệu đ	1.410	3.000	47,00
	<i>Trong đó : lãi tiền vay</i>	Triệu đ	1.385	3.000	46,17
5.4	Chi phí khác	Triệu đ	584		
<b>6</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đ	<b>15.010</b>	<b>15.000</b>	<b>100,07</b>
6.1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Triệu đ	11.334	18.000	62,97
6.2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Triệu đ	1.662	-3.000	
6.3	Lợi nhuận khác	Triệu đ	2.014		
<b>7</b>	<b>Thuế thu nhập DN phải nộp</b>	Triệu đ	<b>2.738</b>	<b>3.972</b>	<b>68,93</b>
<b>8</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đ	<b>12.272</b>	<b>11.028</b>	<b>111,28</b>
<b>9</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>				
9.1	TSLN trước thuế trên vốn điều lệ	%	25,02%	25%	<b>100,07</b>
9.2	TSLN sau thuế trên vốn điều lệ	%	20,45%	18,75%	<b>109,08</b>
<b>10</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ</b>	%	<b>15%</b>	<b>15%</b>	<b>100,00</b>
<b>11</b>	<b>Tổng số lao động bình quân trong kỳ</b>	Người	515	750	<b>68,67</b>
<b>12</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	Triệu đ	28.454	43.335	<b>65,66</b>
<b>13</b>	<b>Thu nhập bình quân của người lao động/tháng</b>	Triệu đ	4,949	4,815	<b>102,78</b>

**2. Tình hình tài chính:**

**a/. Tình hình tài sản:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>83.166.278.589</b>	<b>84.489.930.411</b>	
- Tiền và các khoản tương đương bằng tiền	54.260.378.400	36.296.828.335	
- Các khoản phải thu ngắn hạn	6.644.514.296	12.627.311.152	
- Hàng tồn kho	21.789.555.996	33.992.990.603	
- Tài sản ngắn hạn khác	471.829.897	1.572.800.321	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>41.090.354.308</b>	<b>34.142.873.345</b>	



- Tài sản cố định	31.536.036.885	23.880.542.443	
- Tài sản dài hạn khác	9.554.317.423	10.262.330.902	
<b><u>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</u></b>	<b><u>124.256.632.897</u></b>	<b><u>118.632.803.756</u></b>	

***b/. Tình hình nợ phải trả:***

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b><u>A. NỢ PHẢI TRẢ</u></b>	<b><u>56.752.193.685</u></b>	<b><u>55.116.262.814</u></b>	
- Nợ ngắn hạn	54741.830.106	54.239.327.771	
- Nợ dài hạn	2.010.363.579	876.935.043	
<b><u>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</u></b>	<b><u>67.504.439.212</u></b>	<b><u>63.516.540.942</u></b>	
- Vốn chủ sở hữu	67.504.439.212	63.516.540.942	
<b><u>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</u></b>	<b><u>124.256.632.897</u></b>	<b><u>118.632.803.756</u></b>	

***3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*** Không có.

***4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:***

- Củng cố mối giao thương với khách hàng truyền thống. Tiếp tục tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, đặc biệt thị trường Châu Á. Thu thập, xử lý thông tin ngành hàng theo thị trường khu vực để có chiến lược bán hàng phù hợp. Tích cực mở rộng thị trường nội địa.
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, tiếp tục rà soát, cắt giảm hợp lý các khoản chi phí, tiết kiệm tối đa chi phí năng lượng và chi phí sản xuất
- Điều chỉnh chính sách đầu tư, thu mua nguyên liệu để tạo thế chủ động nguồn nguyên liệu. Mở rộng các hình thức thu mua. Tăng cường quản lý tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong nguyên liệu. Tổ chức các chương trình hoạt động khuyến khích phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Tăng cường giám sát công tác thu mua nguyên liệu bắp non, đậu nành hạn chế tối đa việc thất thoát nguyên liệu do bị tranh mua từ các công ty khác.
- Triển khai hạng mục Global GAP thuộc dự án với GCF.
- Đầu tư kịp thời tài sản để phục vụ sản xuất. Tiếp tục phát triển đa dạng sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:**

- Tình hình kinh tế năm 2012 vẫn còn khó khăn, song tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty đã đồng lòng, quyết tâm vượt qua thử thách dưới sự lãnh đạo linh hoạt của Ban Tổng giám đốc, thực hiện tốt tinh thần tiết kiệm, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:**

- Trong năm 2012, Ban Tổng giám đốc công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ của công ty được thể hiện qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

- Đảm bảo được chế độ lương, thưởng cho người lao động; tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ công ty tạo động lực thúc đẩy cho công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của công ty, do vậy để hoạt động của Hội đồng quản trị hoạt động ngày càng có hiệu quả các thành viên Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ mình được giao.

- Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế năm 2013 sẽ là năm nhiều khó khăn, thử thách và cạnh tranh gay gắt trên thị trường cùng nhiều diễn biến phức tạp của thị trường trong và ngoài nước. Ngoài ra, một số chính sách của Nhà nước cũng có thể thay đổi như tỷ giá, lãi suất huy động vốn,... làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư. Đồng thời giám sát chặt chẽ nhằm giảm chi phí, giảm rủi ro mang lại hiệu quả nhằm phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2013.

- Đôn đốc thực hiện tốt việc bảo đảm an toàn trong sản xuất, bảo vệ môi trường, hoàn thành tốt nghĩa vụ với ngân sách và cộng đồng.

#### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

##### **1. Hội đồng quản trị:**

###### **a/. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Thành viên Hội đồng quản trị gồm có 06 thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Quang Đấu	Chủ tịch	X		83.500	1,39
2	Lưu Bách Thảo	Thành viên		X	1.230.000	20,50
3	Quách Thanh Bình	Thành viên	X		22.100	0,37
4	Trần Công Thụy	Thành viên	X		11.900	0,20
5	Huỳnh Quang Vinh	Thành viên	X		33.900	0,57
6	Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên		X	420.600	7,01

**b/. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**c/. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:**

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã triển khai 07 cuộc họp định kỳ tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2012 đề ra luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và hiệu quả kinh doanh.

Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả cuộc họp như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Huỳnh Quang Đấu	Chủ tịch	7/7	100%	
2	Ông Lưu Bách Thảo	Thành viên	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Chí Tuấn	nt	7/7	100%	
4	Ông Quách Thanh Bình	nt	7/7	100%	
5	Ông Trần Công Thụy	nt	7/7	100%	
6	Ông Huỳnh Quang Vinh	nt	7/7	100%	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT	18/04/2012	V/v thông qua các báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 2011, kế hoạch SXKD 2012, tổ chức ĐHCĐ thường niên, ...
2	01/2012/NQ-ĐHCĐ	16/05/2012	Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông thường niên 2012.

3	02/2012/NQ-HĐQT	16/06/2012	V/v thông qua điều chỉnh hạn mức tín dụng mới của năm 2012.
4	03/2012/NQ-HĐQT	01/07/2012	V/v thống nhất vay vốn và các thủ tục vay tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – chi nhánh An Giang
5	04/2012/NQ-HĐQT	22/07/2012	V/v thống nhất vay vốn và các thủ tục vay tại Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT An Giang.
6	05/2012/NQ-HĐQT	31/08/2012	V/v thông qua báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012; phương hướng SXKD 6 tháng cuối năm 2012; Kế hoạch hoạt động của HĐQT; ...
7	06/2012/NQ-HĐQT	01/12/2012	V/v thông qua báo cáo tình hình SXKD 10 tháng đầu năm 2012; thống nhất tỷ lệ chi trả tạm ứng cổ tức năm 2012; ...
8	07/2012/NQ-HĐQT	18/12/2012	V/v xin ý kiến HĐQT mua thêm thiết bị.

**d/. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành luôn phối hợp cùng các thành viên Hội đồng quản trị tích cực tham gia công tác quản trị công ty, đề ra những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu phát triển và mang lại hiệu quả cho công ty.

**e/. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có

**f/. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Các thành viên Hội đồng quản trị chưa học qua lớp đào tạo về quản trị công ty.

**2/. Ban Kiểm soát**

**a/. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Thành viên Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thị Thúy Nhanh	Trưởng ban	X		8.500	0,14
2	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên		X	0	0
3	Vũ Minh Anh Tuấn	Thành viên	X		12.600	0,21

**b/. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Trong năm 2012 các thành viên Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng các kỳ họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của mình.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm đảm bảo tính chính xác, trung thực các báo cáo để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư và giúp công ty luôn tuân thủ theo quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua.

**3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát:**

**a/. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Tổng số tiền thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2012 là 492.000.000 (Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng), cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao 2012
1	Huỳnh Quang Đẩu	Chủ tịch Tổng Giám Đốc	84.000.000
2	Lưu Bách Thảo	Thành viên	60.000.000
3	Quách Thanh Bình	Thành viên Phó Tổng Giám Đốc	60.000.000
4	Trần Công Thụy	Thành viên Phó Tổng Giám Đốc	60.000.000
5	Huỳnh Quang Vinh	Thành viên Trưởng Phòng KDDT	60.000.000
6	Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên	60.000.000
7	Đặng Thị Thúy Nhanh	Trưởng ban Chuyên viên kế toán	48.000.000
8	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên	30.000.000
9	Vũ Minh Anh Tuấn	Thành viên Phó phòng TCHC	30.000.000
	<b><u>Tổng cộng:</u></b>		<b><u>492.000.000</u></b>

**b/. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có giao dịch.

**c/. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

**d/. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Trong năm 2012 công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin, các khóa đào tạo ngắn hạn hay các cuộc hội thảo về các quy định Pháp luật liên quan đến công ty cổ phần.



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Quang Đầu	Chủ tịch
Ông Lưu Bách Thảo	Thành viên
Ông Quách Thanh Bình	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Công Thụy	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Quang Đầu	Tổng Giám đốc
Ông Quách Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thụy	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc. ↵



Huỳnh Quang Đầu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 5 năm 2013



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 18, Tòa nhà Times Square  
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +848 3910 0751  
Fax: +848 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

Số: 0598 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 5 năm 2013, từ trang 3 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 6 năm 2011 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 1 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 và 9 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 khoản lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa với số tiền là 9.535.617.423 đồng được Công ty ghi nhận trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chưa thực hiện phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 1 tháng 6 năm 2011 và dự kiến bắt đầu phân bổ từ năm 2013. Nếu Công ty thực hiện phân bổ khoản lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 1 tháng 6 năm 2011 thì lợi nhuận trước thuế của kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm với số tiền lần lượt là 556.244.350 đồng và lợi nhuận trước thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm với số tiền là 953.561.742 đồng.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí sử dụng vốn đối với khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 14.343.073.731 đồng của kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 1.458.013.287 đồng vào thu nhập khác trong năm 2012 thay vì phải điều chỉnh hồi tố theo như quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 29 (VAS 29) - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Nếu Công ty áp dụng VAS 29 để điều chỉnh hồi tố khoản này thì lợi nhuận trước thuế và sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm lần lượt với số tiền là 1.458.013.287 đồng và 1.209.488.832 đồng. Đồng thời, lợi nhuận chưa phân phối, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng với số tiền lần lượt là 1.209.488.832 đồng và 248.524.455 đồng.

**Ý kiến ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của các vấn đề được nêu ở các đoạn trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 12 phần thuyết minh báo cáo tài chính đã trình bày việc Công ty đang ghi nhận một khoản phải trả cho Quý hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 14.343.073.731 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 14.343.073.731 đồng). Đây là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 1 tháng 6 năm 2011 và khoản giá trị chênh lệch này vẫn chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.



\_\_\_\_\_  
**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV  
 Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
 Ngày 10 tháng 5 năm 2013  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



\_\_\_\_\_  
**Trần Kim Long Hải**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>84.489.930.411</b>	<b>83.166.278.589</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>36.296.828.335</b>	<b>54.260.378.400</b>
1. Tiền	111		7.986.828.335	23.780.378.400
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.310.000.000	30.480.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.627.311.152</b>	<b>6.644.514.296</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.030.669.731	6.217.039.164
2. Trả trước cho người bán	132		1.239.099.431	15.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135		357.541.990	412.475.132
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>33.992.990.603</b>	<b>21.789.555.996</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.992.990.603	21.789.555.996
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.572.800.321</b>	<b>471.829.897</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		561.723.315	69.062.447
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		623.811.355	279.660.778
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		387.265.651	123.106.672
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)</b>	<b>200</b>		<b>34.142.873.345</b>	<b>41.090.354.308</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.880.542.443</b>	<b>31.536.036.885</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	20.903.629.743	28.584.556.209
- Nguyên giá	222		89.972.491.230	89.052.756.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.068.861.487)	(60.468.200.587)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	2.951.480.676	2.951.480.676
- Nguyên giá	228		3.750.673.200	3.750.673.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(799.192.524)	(799.192.524)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		25.432.024	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.262.330.902</b>	<b>9.554.317.423</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	10.262.330.902	9.554.317.423
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>118.632.803.756</b>	<b>124.256.632.897</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	(Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>55.116.262.814</b>	<b>56.752.193.685</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.239.327.771</b>	<b>54.741.830.106</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	19.002.941.283	22.059.099.697
2. Phải trả người bán	312		5.970.624.028	2.476.738.093
3. Người mua trả tiền trước	313		2.301.475.817	3.088.958.361
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.037.311.758	294.997.766
5. Phải trả người lao động	315		1.246.674.448	956.526.790
6. Chi phí phải trả	316		840.441.240	7.522.216.981
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	22.555.752.520	17.103.890.307
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.284.106.677	1.239.402.111
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>876.935.043</b>	<b>2.010.363.579</b>
1. Vay và nợ dài hạn	336	13	876.935.043	1.776.935.043
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		-	233.428.536
<b>B. NGUỒN VỐN 400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>63.516.540.942</b>	<b>67.504.439.212</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>63.516.540.942</b>	<b>67.504.439.212</b>
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	37.522.583
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		863.581.952	250.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		863.581.952	250.000.000
5. Quỹ khác thuộc nguồn vốn	419		992.498.581	375.000.000
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		796.878.457	6.591.916.629
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>118.632.803.756</b>	<b>124.256.632.897</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		101.448,58	526.548,09
- Euro (EUR)		216,23	211,08



**Bùi Phúc Lộc**  
 Người lập biểu



**Ngô Thu Hà**  
 Kế toán trưởng



**Huỳnh Quang Đẩu**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 5 năm 2013

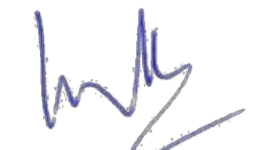


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/6/2011	
			2012	Đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	158.319.645.470	95.935.483.954
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.254.167	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		158.316.391.303	95.935.483.954
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	128.723.168.353	76.593.120.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.593.222.950	19.342.363.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.072.187.938	4.312.446.616
7. Chi phí tài chính	22	20	1.410.309.424	2.670.436.335
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.385.096.272	2.483.186.171
8. Chi phí bán hàng	24		9.585.781.063	5.964.052.937
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.674.412.596	5.838.532.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.994.907.805	9.181.787.748
11. Thu nhập khác	31		2.598.455.478	60.143.824
12. Chi phí khác	32		583.856.211	3.000.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	2.014.599.267	57.143.824
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		15.009.507.072	9.238.931.572
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.737.868.026	1.522.014.943
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		12.271.639.046	7.716.916.629
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	<u>2.043</u>	<u>1.286</u>

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 5 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.009.507.072</b>	<b>9.238.931.572</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.686.155.900	5.592.748.956
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(13.352.089)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.869.051.851)	(3.824.390.178)
Chi phí lãi vay	06	1.385.096.272	2.483.186.171
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>22.198.355.304</b>	<b>13.490.476.521</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(6.595.023.405)	(1.411.973.777)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.203.434.607)	5.859.084.255
Thay đổi các khoản phải trả	11	(4.896.382.289)	(30.945.684.917)
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	(1.200.674.347)	229.960.822
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.385.096.272)	(2.483.186.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.020.291.770)	(2.405.799.233)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.660.000	449.439.856
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(824.398.703)	(123.106.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.925.286.089)</b>	<b>(17.340.789.316)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.030.661.458)	(1.171.867.869)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.869.051.851	3.824.390.178
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.838.390.393</b>	<b>2.652.522.309</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.045.124.819	39.689.134.491
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.001.283.233)	(38.326.483.895)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(8.936.922.400)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.893.080.814)</b>	<b>1.362.650.596</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/giai đoạn</b>	<b>50</b>	<b>(17.979.976.510)</b>	<b>(13.325.616.411)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/giai đoạn</b>	<b>60</b>	<b>54.260.378.400</b>	<b>67.560.156.205</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	16.426.445	25.838.606
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/giai đoạn</b>	<b>70</b>	<b><u>36.296.828.335</u></b>	<b><u>54.260.378.400</u></b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

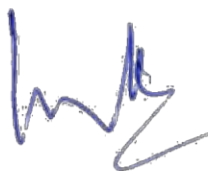
**Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 275.609.934 đồng (năm 2011: 0 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 6.651.077.600 đồng, trong đó số tiền cổ tức chưa chi trả từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 là 2.234.927.600 đồng và số tiền tạm ứng cổ tức của năm 2012 chưa chi trả là 4.416.150.000 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Phúc Lộc  
 Người lập biểu



Ngô Thu Hà  
 Kế toán trưởng



Huỳnh Quang Đẩu  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 5 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 3 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600230014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 1 tháng 6 năm 2011. Trụ sở đăng ký Công ty đặt tại số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 614 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 685 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: chế biến và bảo quản rau củ quả; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn thực phẩm; bán buôn đồ uống; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn gạo; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi là từ ngày 1 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn, phải trả người bán và phải trả khác, vay dài hạn.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý và tài sản khác	3 - 10

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh do chuyển đổi hình thức sở hữu và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh là khoản chênh lệch khi tiến hành xác định giá trị của Công ty cho mục đích chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Các khoản chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	240.425.846	372.416.964
Tiền gửi ngân hàng	7.746.402.489	23.407.961.436
Các khoản tương đương tiền	<u>28.310.000.000</u>	<u>30.480.000.000</u>
	<b><u>36.296.828.335</u></b>	<b><u>54.260.378.400</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 8% đến 9% một năm (năm 2011: 14% một năm).

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.698.773.994	2.566.288.189
Công cụ, dụng cụ	294.199.449	265.230.506
Thành phẩm	29.759.138.596	15.706.681.606
Hàng hóa	<u>1.240.878.564</u>	<u>3.251.355.695</u>
	<b><u>33.992.990.603</u></b>	<b><u>21.789.555.996</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2012	24.276.425.544	60.653.463.048	3.104.990.814	1.017.877.390	89.052.756.796
Mua sắm mới	-	708.998.707	-	296.230.727	1.005.229.434
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(85.495.000)	(85.495.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>24.276.425.544</u>	<u>61.362.461.755</u>	<u>3.104.990.814</u>	<u>1.228.613.117</u>	<u>89.972.491.230</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2012	16.144.757.384	41.478.527.794	2.095.763.356	749.152.053	60.468.200.587
Trích khấu hao	2.244.419.410	6.017.513.686	338.472.808	85.749.996	8.686.155.900
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(85.495.000)	(85.495.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>18.389.176.794</u>	<u>47.496.041.480</u>	<u>2.434.236.164</u>	<u>749.407.049</u>	<u>69.068.861.487</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.887.248.750</u>	<u>13.866.420.275</u>	<u>670.754.650</u>	<u>479.206.068</u>	<u>20.903.629.743</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>8.131.668.160</u>	<u>19.174.935.254</u>	<u>1.009.227.458</u>	<u>268.725.337</u>	<u>28.584.556.209</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 20.448.823.303 đồng (năm 2011: 7.511.896.844 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và 14, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20.831.700.119 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 14.599.606.919 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn của các lô đất sau:

- 8.553 m<sup>2</sup> tại tỉnh lộ 944 xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hiện sử dụng làm xưởng xử lý vỏ khóm Hòa Bình với giá trị là 2.497.476.000 đồng;

- 71,8 m<sup>2</sup> tại 155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh hiện sử dụng làm văn phòng đại diện với giá trị là 1.253.197.200 đồng.

Tổng giá trị của các quyền sử dụng đất nêu trên là 3.750.673.200 đồng là số dư khoản mục tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 5 năm 2011 mà Công ty được bàn giao từ Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang khi cổ phần hóa.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	9.535.617.423	9.535.617.423
Chi phí dự án của Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV)	18.625.000	-
Chi phí của dự án Hỗ trợ Cạnh tranh Toàn cầu (GCF)	291.736.032	-
Khác	416.352.447	18.700.000
	<u>10.262.330.902</u>	<u>9.554.317.423</u>

Công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào kết quả hoạt động kinh doanh kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 1 tháng 6 năm 2011 và dự kiến sẽ tiến hành phân bổ từ năm 2013.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	18.102.941.283	21.159.099.697
Nợ dài hạn đến hạn trả	900.000.000	900.000.000
	<u>19.002.941.283</u>	<u>22.059.099.697</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng vay số 65/2011/HĐTD ngày 22 tháng 6 năm 2011 và đáo hạn ngày 22 tháng 6 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản nhà máy Mỹ An và chịu lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 17.006.461.629 đồng. Hợp đồng này được gia hạn thêm một năm và sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 6 năm 2013.

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/2012/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng và đáo hạn ngày 23 tháng 8 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số BK704264, BE565455, nhà làm việc tại số 69 - 71 Nguyễn Huệ tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và văn phòng đại diện tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và tài sản nhà máy Mỹ An. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ. Số dư khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 1.096.479.654 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.523.432	221.947.176
Thuế thu nhập cá nhân	32.931.965	71.910.830
Thuế tài nguyên	1.708.080	1.139.760
Thuế nhà đất	63.148.281	-
	<u>1.037.311.758</u>	<u>294.997.766</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. CÁC PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 (Trình bày lại) VND
Phải trả về cổ phần hóa	-	411.778.128
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (*)	14.343.073.731	14.343.073.731
Chương trình hỗ trợ cạnh tranh toàn cầu (GCF)	157.500.000	-
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (**)	-	1.458.013.287
Cổ tức phải trả	6.651.077.600	-
Khác	1.404.101.189	891.025.161
	<u>22.555.752.520</u>	<u>17.103.890.307</u>

(\*) Khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo Biên bản định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 1 tháng 6 năm 2011 và khoản giá trị chênh lệch này chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại thời điểm lập báo cáo tài chính này.

(\*\*) Khoản phải trả khác cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là khoản lãi ước tính dựa trên số dư phải trả về cổ phần hóa với số tiền là 14.343.073.731 đồng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2011 (ngày chuyển đổi) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và khoản lãi ước tính này đã được Công ty điều chỉnh vào năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 (Trình bày lại) VND
Vay dài hạn	876.935.043	1.776.935.043
	<u>876.935.043</u>	<u>1.776.935.043</u>

Tại ngày 3 tháng 11 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Đồng Tháp với hạn mức tín dụng là 4,5 tỷ đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2010 đến ngày 29 tháng 9 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất cố định 6,9%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản nhà máy Mỹ An để thế chấp cho khoản vay này. Công ty rút vốn lần đầu vào ngày 29 tháng 3 năm 2010 với số tiền là 3.876.935.043 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có số dư nợ là 1.776.935.043 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.676.935.043 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	900.000.000	900.000.000
Trong năm thứ hai	876.935.043	1.776.935.043
	<u>1.776.935.043</u>	<u>2.676.935.043</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng được trình bày ở phần nợ ngắn hạn	(900.000.000)	(900.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>876.935.043</u>	<u>1.776.935.043</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	6.000.000	6.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 1 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>(%)</u>	<u>VND</u>
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước - Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	2.942.400	49,04	29.424.000.000
Ông Lưu Bách Thảo	1.230.000	20,50	12.300.000.000
Ông Nguyễn Chí Tuấn	420.600	7,01	4.206.000.000
Các cổ đông khác	1.407.000	23,45	14.070.000.000
	<u>6.000.000</u>	<u>100</u>	<u>60.000.000.000</u>

MẪU B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/6/2011	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	60.000.000.000	37.522.583	-	-	-	-	60.037.522.583
Phân phối quỹ	-	-	250.000.000	250.000.000	375.000.000	(1.125.000.000)	(250.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	7.716.916.629	7.716.916.629
Số dư tại ngày 31/12/2011	60.000.000.000	37.522.583	250.000.000	250.000.000	375.000.000	6.591.916.629	67.504.439.212
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.271.639.046	12.271.639.046
Phân phối quỹ trong năm	-	-	613.581.952	613.581.952	617.498.581	(2.458.244.437)	(613.581.952)
Quỹ thưởng Ban Quản lý và điều hành Công ty	-	-	-	-	-	(20.432.781)	(20.432.781)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(15.588.000.000)	(15.588.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(37.522.583)	-	-	-	-	(37.522.583)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	<b>863.581.952</b>	<b>863.581.952</b>	<b>992.498.581</b>	<b>796.878.457</b>	<b>63.516.540.942</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 5 năm 2012, cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011, cụ thể như sau:

Trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 250.000.000 đồng cho mỗi quỹ và trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là 375.000.000 đồng. Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 6.588.000.000 đồng. Cũng theo Nghị quyết trên thì các cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt tỉ lệ trích các quỹ nêu trên là 5% từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012.

Trong năm, Công ty đã tiến hành trích lập đầy đủ các quỹ trong năm 2011 và năm 2012. Ngoài ra, Công ty đã chi trả một phần cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2012 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 với số tiền là 4.353.072.400 đồng trong tổng số cổ tức phải trả đã được phê duyệt.

Theo Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm chia cổ tức của năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% mệnh giá cổ phần tương ứng với số tiền 9.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức số tiền là 4.583.850.000 đồng cho các cổ đông.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như kỳ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả đã chế biến cho các khách hàng ở nước ngoài trong khi doanh thu do bán hàng trong nước chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kỳ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Doanh thu bán hàng	142.029.268.722	80.795.135.148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.290.376.748	15.140.348.806
	<b><u>158.319.645.470</u></b>	<b><u>95.935.483.954</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Giá vốn hàng bán	116.216.189.441	67.221.495.037
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.506.978.912	9.371.625.577
	<b><u>128.723.168.353</u></b>	<b><u>76.593.120.614</u></b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.465.249.030	43.288.480.807
Chi phí nhân công	31.188.245.209	21.206.630.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.686.155.900	5.592.748.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.057.353.942	11.629.677.076
Chi phí khác	6.182.549.725	3.331.410.003
	<b><u>153.579.553.806</u></b>	<b><u>85.048.947.657</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Lãi tiền gửi	2.869.051.851	3.824.390.178
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	189.783.998	488.056.438
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.352.089	-
	<b><u>3.072.187.938</u></b>	<b><u>4.312.466.616</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Lãi vay ngân hàng	1.385.096.272	1.025.172.884
Chi phí sử dụng vốn tạm tính từ ngày 1/6/2011 đến ngày 31/12/2011	-	1.458.013.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.213.152	187.250.164
	<b><u>1.410.309.424</u></b>	<b><u>2.670.436.335</u></b>

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Thu thanh lý tài sản	29.545.772	21.796.908
Thu tiền phạt hợp đồng	500.000.000	34.854.316
Điều chỉnh giảm chi phí sử dụng vốn tạm tính từ ngày 1/6/2011 đến ngày 31/12/2011	1.458.013.287	-
Khác	610.896.419	3.492.600
	<b><u>2.598.455.478</u></b>	<b><u>60.143.824</u></b>
Tiền phạt vi phạm hành chính	159.048.088	-
Khác	424.808.123	3.000.000
	<b><u>583.856.211</u></b>	<b><u>3.000.000</u></b>
<b>Lãi nhuận khác</b>	<b><u>2.014.599.267</u></b>	<b><u>57.143.824</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 <u>VND</u>	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	15.009.507.072	9.238.931.572
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	1.685.541.731	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>320.834.408</u>	<u>38.000.000</u>
Thu nhập chịu thuế	13.644.799.749	9.276.931.572
Thuế suất	<u>25%</u>	<u>25%</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.411.199.937	2.319.232.893
Các khoản giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp		
Khoản thuế được giảm do ưu đãi dự án đầu tư (*)	138.014.609	144.925.832
Khoản thuế được giảm 30% (**)	783.841.757	652.292.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.489.343.571	1.522.014.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung sau quyết toán	<u>248.524.455</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b><u>2.737.868.026</u></b>	<b><u>1.522.014.943</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

(\*) Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư sau:

- Thu nhập từ việc đầu tư hai kho lạnh với công suất 150 tấn và 300 tấn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm (2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2012);
- Thu nhập từ việc mở rộng thêm dây chuyền đóng hộp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm (năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2012);
- Thu nhập từ đầu tư xây dựng kho lạnh với công suất 500 tấn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016).

(\*\*) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực gia công chế biến nông sản, lâm sản và thủy hải sản.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 <u>VND</u>	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	12.271.639.046	7.716.916.629
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>13.352.089</u>	<u>-</u>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>12.258.286.957</u></b>	<b><u>7.716.916.629</u></b>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.043</u></b>	<b><u>1.286</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/giai đoạn	<u>264.135.718</u>	<u>45.733.985</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	356.958.672	356.958.672
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.427.834.688	1.427.834.688
Sau năm năm	<u>6.772.619.760</u>	<u>7.139.143.932</u>
	<u><b>8.557.413.120</b></u>	<u><b>8.923.937.292</b></u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất cho văn phòng và nhà xưởng với giá thuê hàng năm từ 1.260 đồng/m<sup>2</sup> đến 420.000 đồng/m<sup>2</sup> được ký với thời hạn từ 30 năm đến 50 năm tính từ năm 1998. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.296.828.335	54.260.378.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>11.388.211.721</u>	<u>6.629.514.296</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>47.685.040.056</b></u>	<u><b>60.889.892.696</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	19.002.941.283	22.059.099.697
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	7.532.225.217	5.237.554.669
Vay dài hạn	<u>876.935.043</u>	<u>1.776.935.043</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>27.412.101.543</b></u>	<u><b>29.073.589.409</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	9.526.022.374	14.126.301.284	384.054.856	375.001.415
Đồng Euro (EUR)	5.736.740	5.708.659	44.187.000	43.947.166

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	457.098.376	687.564.993
Đồng Euro (EUR)	(1.922.513)	(1.911.932)
	<u>455.175.863</u>	<u>685.653.061</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm Đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.296.828.335	-	36.296.828.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>11.388.211.721</u>	-	<u>11.388.211.721</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u>47.685.040.056</u>	-	<u>47.685.040.056</u>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	19.002.941.283	-	19.002.941.283
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	7.532.225.217	-	7.532.225.217
Vay dài hạn	-	876.935.043	876.935.043
<b>Tổng cộng</b>	<u>26.535.166.500</u>	<u>876.935.043</u>	<u>27.412.101.543</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>21.149.873.556</u>	<u>(876.935.043)</u>	<u>20.272.938.513</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm Đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.260.378.400	-	54.260.378.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.629.514.296	-	6.629.514.296
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.889.892.696</b>	<b>-</b>	<b>60.889.892.696</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	22.059.099.697	-	22.059.099.697
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	5.237.554.669	-	5.237.554.669
Vay dài hạn	-	1.776.935.043	1.776.935.043
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.296.654.366</b>	<b>1.776.935.043</b>	<b>29.073.589.409</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>33.593.238.330</b>	<b>(1.776.935.043)</b>	<b>31.816.303.287</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm/giai đoạn như sau:

	2012 VND	Từ 1/6/2011 đến 31/12/2011 VND
Lương và các khoản thù lao	1.588.474.004	1.167.137.914

**27. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC**

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

Trình bày lại trên báo cáo năm 2012	Trình bày lại trên báo cáo năm 2012 VND	Theo báo cáo năm 2011 VND
Tiền	23.780.378.400	54.260.378.400
Tương đương tiền	30.480.000.000	-
Vay và nợ ngắn hạn	22.059.099.697	21.159.099.697
Vay dài hạn	1.776.935.043	2.676.935.043
Vốn khác của chủ sở hữu	375.000.000	375.000.000
Quỹ khác thuộc nguồn vốn	-	-



Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu



Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng



Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 5 năm 2013



## CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Long Xuyên, An Giang

ĐT: (076) 3841196 Fax: (0763) 843009

Website: [www.antesco.com](http://www.antesco.com) Email: [antesco@antesco.com](mailto:antesco@antesco.com)